TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIÊN KHÁNH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**:** 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2018
Về tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Thuận
Các hội thẩm nhân dân:
Bà Trần Thị Hoa;
Ông Trần Trực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 110/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về ***"Ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh C**
Địa chỉ: xã Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Bà C có mặt

2. Bị đơn: Ông **Trịnh Quang D**
Địa chỉ: xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Ông D vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Quỳnh C trình bày:* Bà C và ông Trịnh Quang D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Diên Khánh. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, ông D thường xuyên nhậu say về có lời lẽ xúc phạm bà và dùng vũ lực đối với bà. Bản thân bà đã cố nhẫn nhịn chịu đựng nhưng ông D không thay đổi. Từ tháng 02/2018 bà và ông D không còn chung sống với nhau, từ khi không còn chung sống đến nay ông D cũng không quan tâm đến bà và con chung. Đến nay bà và ông D không còn tình cảm nên bà C kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trịnh Quang D.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung là: Trịnh Quỳnh Q - sinh ngày 27/11/2013, hiện nay con chung do bà nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Bà yêu cầu ông Trịnh Quang D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ tháng 09/2018.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông Trịnh Quang D đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Toà án tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục: ông Trịnh Quang D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần 2 không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Theo giấy chứng nhận kết hôn và lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị Quỳnh C và ông Trịnh Quang D là vợ chồng. Nay bà C yêu cầu ly hôn với ông D là một yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện thì thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Quỳnh C và ông Trịnh Quang D tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, do ông D hay nhậu, xúc phạm bà, dùng vũ lực với bà làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, ông D không quan tâm đến đời sống của vợ con. Từ tháng 02/2018 đến nay vợ chồng bà không còn chung sống với nhau. Vì vậy bà C yêu cầu được ly hôn với ông D. Bản thân ông D đang sinh sống tại địa phương, đã được Toà án triệu tập đến toà nhiều lần để giải quyết nhưng vẫn vắng mặt, điều đó chứng tỏ ông D không còn quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng nữa và từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Quỳnh C xác định vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Quỳnh Q - sinh ngày 27/11/2013. Con chung hiện nay do bà C chăm sóc, giáo dục nên bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, bà yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2018. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng và phù hợp nên cần giao con chung cho bà C nuôi dưỡng, giáo dục. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định không có.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Quỳnh C phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Trịnh Quang D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: **Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn**

1. Bà Nguyễn Thị Quỳnh C được ly hôn với ông Trịnh Quang D.

2. Về con chung: Giao con chung là Trịnh Quỳnh Q - sinh ngày 27/11/2013 cho bà Nguyễn Thị Quỳnh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trịnh Quang D phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2018.

Ông D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà C, ông D có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Quỳnh C phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai số AA/2016/0018681 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Bà C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Trịnh Quang D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Quỳnh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trịnh Quang D thời hạn nói trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Đương sự;
- UBND xã P (nơi đăng ký kết hôn);
- THADS huyện Diên Khánh;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Đức Thuận